

Số: 3570/SGD&ĐT-TCCB

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2017

V/v: đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên mầm non và giáo viên phổ thông các trường công lập trực thuộc;

Kính gửi: Hiệu trưởng các trường công lập trực thuộc Sở GD&ĐT;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ qui định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ qui định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ qui định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ qui định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 20/2017/TT-BGDĐT ngày 18/8/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập;

Thực hiện Công văn số 2527/SNV-CCVC ngày 04/10/2017 về việc đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non và các trường công lập;

Căn cứ hướng dẫn số 2570/SNV-CCVC ngày 9/10/2017 của Sở Nội vụ về một số lưu ý khi triển khai Công văn số 2527/SNV-CCVC ngày 04/10/2017 đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập;

Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội thông báo nội dung đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, giáo viên phổ thông công lập trực thuộc Sở như sau:

A. QUI ĐỊNH CHUNG ĐỐI TƯỢNG ĐĂNG KÝ DỰ THI

Là giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục (sau đây gọi chung là giáo viên) đang làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

Đã được xếp hạng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên theo qui định;

Được nhà trường có văn bản cử tham dự kỳ thi thăng hạng trên cơ sở nhu cầu về vị trí việc làm của chức danh nghề nghiệp .

Được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian công tác 03(ba) năm liên tục tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ dự thi (các năm học 2014-2015 đến 2016-2017); có đủ phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc; (Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT);

Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

Lưu ý:

- Các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã được cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo quy định tại điều 23 Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin).

- Việc công nhận trình độ ngoại ngữ tương đương được thực hiện theo Hướng dẫn số 4645/SGD&ĐT-GDTEX-CN ngày 14/6/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội:

Chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A tương đương trình độ A1 và bậc 1 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo); Chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B tương đương trình độ A2 và bậc 2; Chứng chỉ ngoại ngữ trình độ C tương đương trình độ B1 và bậc 3. Các chứng chỉ B1, B2, C1, C2; các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế đã cấp, được công nhận và còn thời hạn sử dụng có giá trị thay thế trình độ A1, A2, B1, B2, C1, C2 theo bảng quy chuẩn trình độ tại mục 4, Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chương trình giáo dục thường xuyên về tiếng Anh thực hành.

B. CÁC QUI ĐỊNH CỤ THỂ

I. Đối với giáo viên mầm non

1. Giáo viên đăng ký dự thi từ hạng III (mã số: V.07.02.05) lên hạng II (mã số: V.07.02.04)

a) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm mầm non trở lên;

b) Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

- Chủ động tuyên truyền và vận động đồng nghiệp thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, các quy định và yêu cầu của Đảng, Nhà nước, ngành và địa phương về giáo dục mầm non;

- Thực hiện sáng tạo, linh hoạt chương trình giáo dục mầm non; hướng dẫn được đồng nghiệp thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục mầm non;

- Tích cực chủ động phối hợp có hiệu quả với đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và cộng đồng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ;

- Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi từ cấp huyện trở lên;

- Viên chức thăng hạng từ chức danh giáo viên mầm non hạng III lên chức danh giáo viên mầm non hạng II phải có thời gian công tác giữ chức danh giáo viên mầm non hạng III hoặc tương đương từ đủ 6 (sáu) năm trở lên và thời gian tốt nghiệp đại học sư phạm mầm non trước khi thi hoặc xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên

2. Giáo viên đăng ký dự thi từ hạng IV (mã số: V.07.02.06) lên hạng III (mã số: V.07.02.05)

a) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trở lên;

b) Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

- Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, các quy định và yêu cầu của Đảng, Nhà nước, ngành và địa phương về giáo dục mầm non;

- Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục mầm non;

- Chủ động tổ chức và phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và cộng đồng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ;

- Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên;

- Viên chức thăng hạng từ chức danh giáo viên mầm non hạng IV lên chức danh giáo viên mầm non hạng III phải có thời gian công tác giữ chức danh giáo viên mầm non hạng IV hoặc tương đương từ đủ 3 (ba) năm trở lên và tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trước khi thi hoặc xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên.

II. Đối với giáo viên tiểu học

1. Giáo viên đăng ký dự thi từ hạng III (mã số:V.07.03.08) lên hạng II (mã số:V.07.03.07)

a) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm tiểu học hoặc đại học sư phạm các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên;

b) Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

- Chủ động tuyên truyền và vận động đồng nghiệp thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục tiểu học;

- Hướng dẫn được đồng nghiệp thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục tiểu học;

- Vận dụng sáng tạo và đánh giá được việc vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh tiểu học của đồng nghiệp;

- Chủ động, tích cực phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh tiểu học;

- Tích cực vận dụng và có khả năng phổ biến sáng kiến kinh nghiệm hoặc sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng từ cấp huyện trở lên;

- Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi từ cấp huyện trở lên;

- Viên chức thăng hạng từ chức danh giáo viên tiểu học hạng III lên chức danh giáo viên tiểu học hạng II phải có thời gian giữ chức danh giáo viên tiểu học hạng III hoặc tương đương từ đủ 6 (sáu) năm trở lên và tốt nghiệp đại học sư phạm trước khi thi hoặc xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên.

2. Giáo viên đăng ký dự thi từ hạng IV (mã số:V.07.03.09) lên hạng III (mã số:V.07.03.08)

a) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm tiểu học hoặc cao đẳng sư phạm các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên;

b) Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

- Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục tiểu học;

- Thực hiện có hiệu quả kế hoạch, chương trình giáo dục tiểu học;

- Vận dụng linh hoạt và hướng dẫn đồng nghiệp vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh tiểu học;

- Tích cực phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh tiểu học;

- Thường xuyên vận dụng và có khả năng đánh giá hoặc hướng dẫn đồng nghiệp làm sáng kiến kinh nghiệm hoặc sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cấp trường trở lên;

- Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp trường trở lên;

- Viên chức thăng hạng từ chức danh giáo viên tiểu học hạng IV lên chức danh giáo viên tiểu học hạng III phải có thời gian giữ chức danh giáo viên tiểu học hạng IV hoặc tương đương từ đủ 3 (ba) năm trở lên và tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trước khi thi hoặc xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên.

III. Đối với giáo viên THCS

1. Giáo viên đăng ký dự thi từ hạng III (mã số: V.07.04.12) lên hạng II (mã số: V.07.04.11)

a) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp đại học các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học cơ sở;

b) Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

- Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục trung học cơ sở;

- Thực hiện có hiệu quả kế hoạch, chương trình, giáo dục trung học cơ sở;

- Vận dụng linh hoạt và hướng dẫn đồng nghiệp vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh trung học cơ sở;

- Vận dụng tốt những kiến thức về kinh tế, văn hóa, xã hội trong tư vấn hướng nghiệp học sinh trung học cơ sở;

- Tích cực phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh trung học cơ sở;

- Có khả năng vận dụng hiệu quả, đánh giá hoặc hướng dẫn đồng nghiệp viết sáng kiến kinh nghiệm, sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cấp trường trở lên;

- Có khả năng đánh giá sản phẩm nghiên cứu khoa học kỹ thuật của học sinh trung học cơ sở;

- Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi từ cấp huyện trở lên;

- Viên chức thăng hạng từ chức danh giáo viên trung học cơ sở hạng III lên chức danh giáo viên trung học cơ sở hạng II phải có thời gian giữ chức danh giáo viên trung học cơ sở hạng III hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên và tốt nghiệp đại học sư phạm hoặc đại học các chuyên ngành khác phù hợp với bộ môn giảng dạy từ đủ 01 (một) năm trở lên

IV. Đối với giáo viên trung học phổ thông

1. Giáo viên đăng ký dự thi từ hạng III (mã số: V.07.05.15) lên hạng II (mã số: V.07.05.14)

a) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp đại học các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học phổ thông;

b) Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

- Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục trung học phổ thông;

- Thực hiện tốt, kế hoạch, chương trình giáo dục trung học phổ thông;

- Vận dụng linh hoạt và hướng dẫn đồng nghiệp vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh trung học phổ thông;

- Vận dụng tốt những kiến thức về kinh tế, văn hóa, xã hội trong tư vấn hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học phổ thông;

- Tích cực phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh trung học phổ thông;

- Có khả năng vận dụng hiệu quả, đánh giá hoặc hướng dẫn đồng nghiệp viết sáng kiến kinh nghiệm, sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cấp trường trở lên;

- Có khả năng hướng dẫn, đánh giá sản phẩm nghiên cứu khoa học kỹ thuật của học sinh trung học phổ thông từ cấp trường trở lên;

- Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên trung học phổ thông dạy giỏi, giáo viên trung học phổ thông chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên;

- Viên chức thăng hạng từ chức danh giáo viên trung học phổ thông hạng III lên chức danh giáo viên trung học phổ thông hạng II phải có thời gian giữ chức danh giáo viên trung học phổ thông hạng III hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên.

C. NỘI DUNG THI, HÌNH THỨC THI VÀ ĐIỀU KIỆN MIỄN THI

I. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng III lên hạng II

1. Môn thi kiến thức chung

a) Hình thức thi: Tự luận hoặc trắc nghiệm hoặc kết hợp giữa tự luận và trắc nghiệm.

b) Thời gian thi: Thi tự luận 120 phút, thi trắc nghiệm 45 phút, thi kết hợp giữa tự luận và trắc nghiệm thời gian 90 phút.

c) Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, năng lực hiểu biết của giáo viên về luật Viên chức, pháp luật chuyên ngành, quan điểm, chủ trương và các chỉ đạo của Ngành về cấp học hiện đang giảng dạy. Vận dụng các kiến thức, hiểu biết về các vấn đề nêu trên để đưa ra giải pháp đối với các vấn đề nảy sinh trong thực tế của cấp học phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II.

Dung lượng kiến thức của đề thi và nội dung thi về pháp luật viên chức là 30%; về lĩnh vực giáo dục và đào tạo là 70%.

2. Môn thi chuyên môn, nghiệp vụ

a) Hình thức thi: vấn đáp hoặc trắc nghiệm.

b) Thời gian thi: Thi trắc nghiệm 45 phút, thi vấn đáp 30 phút (chuẩn bị tối đa 20 phút, vấn đáp tối đa 10 phút/giáo viên dự thi)

c) Nội dung thi: Kiểm tra hiểu biết của giáo viên dự thi về nhiệm vụ của giáo viên hạng II; trình độ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên dự thi theo yêu cầu tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II; năng lực đề xuất giải pháp giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn thực hiện nhiệm vụ giáo viên hạng II gắn với yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II và thực trạng giáo dục theo cấp học hiện đang giảng dạy tại địa phương.

3. Môn thi ngoại ngữ

a) Hình thức thi: Trắc nghiệm

b) Thời gian thi: 45 phút

c) Nội dung thi: Kiểm tra các kỹ năng đọc hiểu, viết của giáo viên dự thi ở trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.

đ) Ngoại ngữ dự thi: giáo viên dự thi đăng ký thi một trong các ngoại ngữ: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc.

Đối với giáo viên dạy một trong các ngoại ngữ nêu trên thì phải thi ngoại ngữ thứ 2 ở trình độ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.

4. Môn thi Tin học

a) Hình thức thi: Trắc nghiệm hoặc thực hành trên máy vi tính.

b) Thời gian thi: 45 phút

c) Nội dung thi: Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II.

II. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng IV lên hạng III

1. Môn kiến thức chung

a) Hình thức thi: Tự luận hoặc trắc nghiệm hoặc kết hợp giữa tự luận và trắc nghiệm.

b) Thời gian thi: Thi tự luận 90 phút, thi trắc nghiệm 30 phút, thi kết hợp giữa tự luận và trắc nghiệm 60 phút.

c) Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, năng lực hiểu biết của giáo viên dự thi về luật Viên chức, pháp luật chuyên ngành, những vấn đề cơ bản về cơ sở giáo dục và giáo viên theo cấp học hiện đang giảng dạy. Vận dụng các kiến thức, hiểu biết về các vấn đề nêu trên để đưa ra giải pháp đối với các vấn đề nảy sinh trong thực tế của cấp học phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III.

Dung lượng kiến thức của đề thi và nội dung thi về pháp luật viên chức là 30%; về lĩnh vực giáo dục và đào tạo là 70%.

2. Môn chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Hình thức thi: trắc nghiệm hoặc vấn đáp.

b) Thời gian thi: thi trắc nghiệm 45 phút, thi vấn đáp 30 phút (chuẩn bị tối đa 20 phút, vấn đáp tối đa 10 phút/giáo viên dự thi).

c) Nội dung thi: Kiểm tra hiểu biết của giáo viên dự thi về nhiệm vụ của giáo viên hạng III; trình độ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo dự thi theo yêu cầu tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III; năng lực phân tích, đánh giá các vấn đề đặt ra trong thực tiễn thực hiện nhiệm vụ giáo viên hạng III gắn với yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III và thực trạng giáo dục theo cấp học hiện đang giảng dạy tại địa phương.

3. Môn ngoại ngữ

a) Hình thức thi: Trắc nghiệm

b) Thời gian thi: 45 phút

c) Nội dung: Kiểm tra các kỹ năng đọc hiểu, viết của giáo viên dự thi ở trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.

d) Ngoại ngữ dự thi: giáo viên dự thi đăng ký thi một trong các ngoại ngữ: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc.

Đối với giáo viên dạy một trong các ngoại ngữ nêu trên thì phải thi ngoại ngữ thứ 2 ở trình độ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.

4. Môn Tin học

a) Hình thức thi: thi trắc nghiệm hoặc thi thực hành trên máy vi tính.

b) Thời gian: 45 phút

c) Nội dung thi: Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III.

III. Trường hợp miễn thi môn ngoại ngữ và tin học trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên

1. Miễn thi ngoại ngữ đối với giáo viên dự thi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Giáo viên tính đến ngày 31 tháng 12 của năm 2017 tổ chức thi thăng hạng, có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ.

- Giáo viên ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi hoặc ở các trường phổ thông dân tộc nội trú/bán trú, có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số do cơ sở đào tạo cấp theo thẩm quyền.

- Đã học tập, nghiên cứu toàn thời gian ở nước ngoài và được cấp bằng đại học, bằng thạc sĩ hoặc bằng tiến sĩ của cơ sở đào tạo nước ngoài sử dụng một trong các ngôn ngữ Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc trong đào tạo; văn bằng đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận theo quy định hiện hành.

- Có bằng tốt nghiệp đại học thứ hai là bằng ngoại ngữ thuộc một trong các ngôn ngữ Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc.

- Có chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương cấp B1 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu) hoặc có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế TOEFL PBT 450 điểm,

TOEFL CBT 133 điểm, TOEFL iBT 45 điểm, IELTS 4,5 điểm trở lên đối với thi thăng hạng giáo viên từ hạng IV lên hạng III và từ hạng III lên hạng II;

2. Đối với những chứng chỉ ngoại ngữ có quy định thời hạn sử dụng thì việc miễn thi theo quy định thì được tính theo thời hạn ghi trên chứng chỉ và giá trị thời hạn của chứng chỉ đó tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ dự thi.

Đối với những chứng chỉ ngoại ngữ chưa có quy định thời hạn sử dụng thì giá trị của chứng chỉ được chấp nhận cho đến khi có sự thay đổi về quy định thời hạn sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ đó của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đối với giáo viên giảng dạy môn ngoại ngữ thì phải thi một ngoại ngữ khác hoặc miễn thi ngoại ngữ khi có một ngôn ngữ khác với ngoại ngữ đang giảng dạy ở trình độ tương đương.

4. Miễn thi tin học đối với giáo viên dự thi đã tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành tin học hoặc công nghệ thông tin trở lên.

Về hình thức thời gian địa điểm thi cụ thể, Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ thông báo sau khi có hướng dẫn của Sở Nội vụ.

D. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI

Hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng của viên chức thực hiện theo qui định tại điều 10 Thông tư 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ qui định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức bao gồm:

- a) Đơn đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp (theo mẫu số 01);
- b) Bản sơ yếu lý lịch của viên chức có xác nhận của cơ quan sử dụng hoặc cơ quan quản lý viên chức (theo mẫu số 02);
- c) Bản nhận xét, đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm liên tục gần nhất (các năm học: 2014-2015, 2015-2016, 2016-2017 của người có thẩm quyền (theo mẫu số 03);
- d) Bản sao văn, bằng chứng chỉ theo yêu cầu chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi;
- đ) Bản sao các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, nâng lương;
- e) Giấy xác nhận học bằng tiếng nước ngoài tại Việt Nam của các cơ sở đào tạo (đối với cá trường hợp tốt nghiệp đại học, sau đại học học bằng tiếng nước ngoài tại Việt Nam);
- g) Các loại giấy tờ minh chứng về tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ;
- h) Các văn bằng chứng chỉ chứng minh đủ điều kiện miễn thi Ngoại ngữ và Tin học;

Giáo viên dự thi thăng hạng phải có đủ hồ sơ và các minh chứng theo quy định. Đối với các tiêu chuẩn, tiêu chí không có minh chứng là văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận thì minh chứng là xác nhận của cơ quan sử dụng giáo viên về năng lực của giáo viên đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí đó

Hồ sơ được sắp xếp theo thứ tự như trên, đựng trong túi bì cứng cỡ 25 cm x 34 cm, bên ngoài ghi rõ: Hồ sơ đăng ký thi thăng hạng năm 2017, họ tên của người đăng ký dự thi, thông kê đầy đủ các giấy tờ có trong hồ sơ và số điện thoại liên hệ.

E. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Nhận được thông báo này các đơn vị trực thuộc Sở triển khai đến toàn bộ giáo viên nhà trường.

1. Đối với giáo viên trường THPT, trường Bồi dưỡng cán bộ Giáo dục Hà Nội, Trường trung cấp Sư phạm Mẫu giáo nhà trẻ - Hà Nội đăng ký dự thi từ hạng II (mã số: V.07.05.14) lên hạng I (mã số: V.07.05.13):

Các trường rà soát cán bộ, giáo viên đủ tiêu chuẩn, lập danh sách và báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo theo mẫu số 04 và mẫu số 05 (chưa phải làm hồ sơ);

2. Đối với giáo viên đăng ký dự thi từ hạng IV lên hạng III và từ hạng III lên hạng II:

Các trường tổng hợp, lập danh sách người đủ điều kiện (theo mẫu số 04 và mẫu số 05) và kèm theo hồ sơ; Đối với mẫu số 04, các trường mầm non, tiểu học lập thành 2 danh sách từ hạng IV lên hạng III và từ hạng III lên hạng II.

Toàn bộ danh sách và hồ sơ gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo (Qua phòng tổ chức cán bộ); bản mềm gửi về địa chỉ email: Tranduc@hanoiedu.vn. Thời gian nhận hồ sơ và danh sách từ đăng ký dự thi từ ngày 23/10/2017 đến hết 17h00 ngày 27/10/2017 (nộp tại cán bộ phụ trách địa bàn). Quá thời gian trên các đơn vị không nộp coi như không có nhu cầu đăng ký dự thi./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (để biết);
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu VT, TCCB.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Chữ Xuân Dũng